



BẢNG ĐIỂM KẾT QUẢ DỰ THI
CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH ĐẦU RA NỘI BỘ NĂM 2025 - ĐỢT 2
(Theo khung 6 bậc NLNN Việt Nam)

Học phần: Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 14/06/2025

Kỹ năng: Đọc, Viết, Nghe, Nói

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	510220145	Trần Kim	Ái	18/06/2004	CD22CT8	8.8	4.3	4.4	7.2	6.18	B1
2	510230118	Nguyễn Lê Thái	An	08/06/2005	CD23CT2	4.3	2.5	2.4	6.4	3.90	không đạt
3	510220653	Nguyễn Bảo	An	02/01/2003	CD22DH4	9.3	8.0	6.0	8.8	8.03	B1
4	510230165	Trần Ngọc Lan	Anh	01/04/2005	CD23DH2	8.5	7.3	7.6	6.8	7.55	B1
5	501230519	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Anh	05/11/2005	CD23CT7	5.8	5.5	1.6	7.6	5.13	không đạt
6	514230085	Trần Nguyễn Bảo	Anh	04/12/2003	CD23CT2	7.3	6.8	4.0	8.8	6.73	B1
7	517230460	Nguyễn Mai Kiều	Anh	27/06/2001	CD23TT1	10.0	9.5	8.0	8.4	8.98	B1
8	512220634	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	23/03/2004	CD22MK1	7.5	8.0	8.0	7.2	7.68	B1
9	501220206	Lưu Gia	Bảo	03/10/2004	CD22CT3	4.8	4.0	7.2	8.0	6.00	A2
10	501220694	Trương Văn	Chiến	08/02/2004	CD22CT10	8.3	8.0	8.0	8.4	8.18	B1
11	517230465	Đinh Hồng	Diễn	03/11/2003	CD23TT1	7.0	2.5	7.2	6.4	5.78	không đạt
12	501220508	Lưu Văn	Đô	06/03/2004	CD22DH3	7.5	8.0	7.6	8.0	7.78	B1
13	517230593	Đặng Thị Thùy	Dung	02/09/2002	CD23TT1	9.8	8.5	8.4	7.6	8.58	B1
14	501220300	Nguyễn Phi	Dương	14/09/2004	CD22CT3	8.8	5.0	4.0	8.0	6.45	B1
15	3007190460	Nguyễn Quốc	Duy	16/08/2001	CD19QT1	3.8	1.3	4.4	6.4	3.98	không đạt
16	517230578	Trần Thị Mỹ	Duyên	03/08/2003	CD23TT1	7.8	7.0	7.6	8.4	7.70	B1
17	501220434	Lê Hồng	Giới	16/08/2004	CD22CT8	4.0	4.8	4.8	6.8	5.10	A2
18	506230343	Lê Thanh	Hải	13/10/2005	CD23CM1	5.0	5.5	3.6	7.2	5.33	A2
19	517230548	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	30/05/2005	CD23TT1	9.5	6.8	5.6	8.4	7.58	B1
20	507220326	Quách Hồng	Hạnh	14/12/2004	CD22QT1	7.5	5.0	4.8	8.4	6.43	B1
21	510220377	Sú Quang	Hào	25/06/2004	CD22DH2	9.8	9.0	9.2	8.0	9.00	B1
22	606230023	Phạm Thành	Hậu	11/08/2006	CL23CM1	5.8	3.8	2.4	6.4	4.60	không đạt
23	507230104	Huỳnh Minh	Hiếu	08/03/2001	CD23QT1	10.0	9.0	7.2	8.0	8.55	B1
24	510210591	Phạm Minh	Hiếu	02/08/2003	CD21DH2	7.5	4.5	5.6	6.4	6.00	A2
25	506230212	Trương Văn	Hiếu	27/08/2004	CD23CM1	7.0	7.5	6.4	7.2	7.03	B1
26	510220100	Thiều Kim	Hoàn	07/07/2003	CD22DH3	7.5	7.5	8.4	7.2	7.65	B1
27	507220581	Trương Minh	Hoàng	08/05/2004	CD22MK1	5.5	4.8	6.0	7.2	5.88	A2
28	501220302	Lê Huy	Hoàng	22/12/2004	CD22CT4	8.3	6.8	6.8	7.2	7.28	B1
29	501230639	Nguyễn Gia	Hùng	02/01/2003	CD23CT12	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
30	501210444	Nguyễn Việt	Hung	03/04/2003	CD21CT9	6.3	9.0	8.0	8.0	7.83	B1
31	507210138	Dương Văn	Huy	21/09/2003	CD21QT1	6.8	4.5	6.8	7.6	6.43	B1
32	512230140	Nguyễn Huỳnh Nhật	Huy	09/10/2005	CD23MK1	4.3	0.8	4.4	7.2	4.18	không đạt
33	507230383	Phan Vĩnh	Khang	08/10/2005	CD23QT1	5.5	4.0	8.0	6.4	5.98	A2
34	602240003	Nguyễn Lê Phúc	Khang	01/02/2006	CL24TM2	5.8	6.0	2.4	7.6	5.45	không đạt
35	511210048	Nguyễn Hữu	Khang	17/04/2002	CD21LG1	4.8	3.8	6.4	6.4	5.35	A2
36	501210159	Trương Vũ Công	Khanh	09/02/2002	CD21CT9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
37	518230304	Phan Văn	Khoa	03/11/2005	CD23TW1	4.5	4.0	7.6	6.4	5.63	A2
38	512230462	Nguyễn Duy	Khuong	11/08/2005	CD23MK1	4.3	3.8	3.6	6.4	4.53	không đạt
39	501210093	Nguyễn Hoàng	Kỳ	20/01/2003	CD21DH1	6.5	5.8	4.0	7.2	5.88	A2
40	501220369	Phan Thanh Hoài	Lâm	03/11/2004	CD22CT8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
41	601240025	Phạm Tùng	Lâm	14/01/2004	CL24CT4	5.5	5.3	6.8	6.0	5.90	A2
42	502230096	Trần	Lâm	28/12/2000	CD23TM1	6.0	4.5	8.0	6.8	6.33	B1
43	507230198	Trần Thị Cẩm	Linh	28/07/2005	CD23QT1	8.0	6.5	6.4	6.8	6.93	B1
44	501230643	Trần Thị Tuyết	Linh	18/01/1999	CD23CT11	10.0	8.5	8.8	8.0	8.83	B1
45	801230007	Nguyễn Tấn	Lộc	22/08/2005	TC23TH1	7.5	5.0	5.2	4.8	5.63	A2
46	501230514	Võ Minh	Long	18/04/2000	CD23CT7	8.0	8.0	6.8	8.4	7.80	B1
47	501220532	Nguyễn Vũ	Luân	29/04/2004	CD22CT7	9.5	9.5	7.6	10.0	9.15	B1

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
48	501230129	Trần Quang	Mạnh	13/05/2005	CD23CT6	8.5	4.3	6.0	7.2	6.50	B1
49	512220663	Nguyễn Hương Trà	My	24/10/2004	CD22QT1	6.5	4.0	3.6	7.2	5.33	A2
50	501230564	Huỳnh Đăng Hải	Nam	11/09/2005	CD23CT7	9.3	9.0	7.2	8.4	8.48	B1
51	606230003	Nguyễn Hoàng	Nam	03/02/2001	CL23CT1	5.8	5.0	4.8	5.6	5.30	A2
52	801230021	Nguyễn Vi	Nam	26/11/1999	TC23TH1	4.8	5.5	6.8	7.6	6.18	B1
53	518230300	Nguyễn Hoàng	Nam	04/11/2005	CD23TW1	9.3	8.5	6.4	7.6	7.95	B1
54	512230463	Lương Gia	Ngân	25/09/2005	CD23MK1	1.8	3.0	5.6	5.6	4.00	không đạt
55	510220321	Nguyễn Quách Hồng	Nghi	21/03/2004	CD22DH1	2.5	4.0	5.6	5.2	4.33	không đạt
56	501210870	Nguyễn	Nguyên	05/06/1998	CD22CT1	5.3	8.0	6.0	7.2	6.63	B1
57	513230182	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyên	15/10/2005	CD23TD1	9.0	7.5	7.2	9.6	8.33	B1
58	501230598	Nguyễn Thanh	Nguyên	29/02/2000	CD23CT12	8.5	8.0	8.0	7.6	8.03	B1
59	510230278	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	05/05/2005	CD23DH3	8.5	7.5	8.8	6.0	7.70	B1
60	801230018	Lê Thiện	Nhân	26/08/2004	TC23TH1	10.0	9.3	8.8	8.0	9.03	B1
61	510220298	Lộ Thanh	Nhật	06/08/2004	CD22DH3	7.0	6.5	4.0	6.4	5.98	A2
62	501220225	Nguyễn Thị Minh	Nhật	26/01/2004	CD22CT4	8.5	5.0	8.4	5.6	6.88	B1
63	501220387	Phạm Trần Hữu	Nhon	09/03/2004	CD22CT6	8.0	6.5	4.8	6.0	6.33	B1
64	501230384	Vũ Văn Tuệ	Ninh	16/09/2005	CD23CT4	8.3	8.0	7.6	7.6	7.88	B1
65	502230197	Cải Đình	Pháp	18/07/2005	CD23TM1	8.5	8.0	6.0	8.8	7.83	B1
66	518230205	Ngô Hoàng	Phi	26/05/2005	CD23TW1	7.8	6.5	6.4	6.0	6.68	B1
67	501230287	Lê Thanh	Phong	09/10/2005	CD23CT4	7.5	5.3	7.6	5.2	6.40	B1
68	501220115	Nguyễn Lý Thiên	Phú	09/01/2002	CD22CT4	10.0	9.0	7.6	6.8	8.35	B1
69	501200480	Nguyễn Hữu	Phú	25/01/2002	CD20CT12	4.5	3.8	7.6	5.6	5.38	A2
70	501210002	Lê Triệu	Phú	20/03/1997	CD21DH1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
71	514220196	Nguyễn Bá	Phúc	31/12/2003	CD22LM1	8.0	9.0	8.4	9.2	8.65	B1
72	501220781	Lục Hồng	Phúc	10/12/1991	CD22CT11	10.0	9.0	9.2	6.4	8.65	B1
73	512230530	Lê Thị Minh	Phương	31/08/2005	CD23MK1	9.5	9.8	9.2	8.8	9.33	B1
74	501230244	Nguyễn Minh	Quân	25/04/2005	CD23CT5	2.8	1.3	3.2	4.4	2.93	không đạt
75	507230277	Lê Xuân	Quân	20/07/2005	CD23QT1	8.3	6.0	7.6	5.6	6.88	B1
76	601240026	Nguyễn Khánh Kim	Qui	27/03/2005	CL24CT4	8.0	7.0	6.8	7.2	7.25	B1
77	517230056	Phạm Văn	Quyển	15/02/2004	CD23TT1	4.0	1.3	4.0	5.2	3.63	không đạt
78	518230637	Dương Gia	Quyển	12/10/2000	CD23CT12	8.3	7.0	8.4	7.6	7.83	B1
79	502230415	Nguyễn Duy	Sang	13/12/2005	CD23TM1	9.8	5.5	8.8	6.4	7.63	B1
80	517230529	Đặng Hoàng Kim	Sang	24/09/2005	CD23TT1	7.5	6.0	6.4	7.2	6.78	B1
81	501220811	Thái Minh	Tâm	25/10/2002	CD22CT5	8.0	8.0	8.0	7.6	7.90	B1
82	501230202	Trần Minh Quốc	Thái	17/09/2005	CD23CT4	7.8	5.5	8.4	7.6	7.33	B1
83	518230397	Trương Quang	Thành	17/01/2005	CD23TW1	9.8	9.0	7.6	6.4	8.20	B1
84	501230606	Võ Văn	Thiện	02/02/2004	CD23CT12	1.3	1.5	6.8	6.4	4.00	không đạt
85	502230137	Phan Hoàng	Thịnh	19/08/2005	CD23TM1	3.8	1.5	8.4	5.2	4.73	không đạt
86	514220228	Nguyễn Phú	Thịnh	13/07/2003	CD22CM1	7.5	5.3	6.4	6.4	6.40	B1
87	501210572	Trần Thị Anh	Thư	20/11/2003	CD21CT7	8.8	6.5	7.2	7.2	7.43	B1
88	517230286	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/03/2005	CD23TT1	5.8	9.0	7.6	7.6	7.50	B1
89	501230477	Hồ Nguyễn Đức	Toàn	25/08/2005	CD23CT6	6.0	8.0	8.8	5.2	7.00	B1
90	506230496	Nguyễn Văn	Toàn	11/09/2005	CD23CM1	10.0	10.0	8.8	7.6	9.10	B1
91	510230064	Phạm Ngọc Bích	Trâm	29/11/2001	CD23DH1	10.0	8.5	9.2	7.6	8.83	B1
92	512230237	Nguyễn Đức	Trí	20/09/2005	CD23MK1	8.3	7.5	7.6	7.6	7.75	B1
93	512220318	Hồ Chí	Trung	01/11/2004	CD22MK1	9.5	9.0	8.8	6.8	8.53	B1
94	501210193	Nguyễn Gia	Trường	16/12/2003	CD21CT2	8.8	6.0	6.0	8.4	7.30	B1
95	501230200	Nguyễn Xuân	Trường	22/10/2005	CD23CT5	7.5	6.0	6.4	6.8	6.68	B1
96	506220481	Nguyễn Trần Minh	Tuấn	01/05/2001	CD22CM1	8.0	6.8	6.4	6.4	6.90	B1
97	510230315	Huỳnh Gia	Tuấn	19/01/2005	CD23DH3	9.0	7.5	6.8	6.8	7.53	B1
98	501220287	Trương Đình	Tuấn	06/12/1997	CD22CT4	5.0	5.5	4.0	6.4	5.23	A2
99	501230613	Lê Anh	Tuấn	15/09/2000	CD23CT12	3.8	4.0	6.4	6.8	5.25	A2
100	501220735	Bùi Ngọc	Tuyển	19/02/2004	CD22CT7	9.0	6.0	8.8	9.6	8.35	B1
101	501210201	Lê Đức	Uy	27/03/2000	CD21CT9	6.5	5.8	6.8	7.2	6.58	B1
102	507230307	Nguyễn Đức	Việt	23/10/2005	CD23QT1	4.0	4.5	1.2	7.6	4.33	không đạt
103	501220066	Tạ Công	Vinh	07/01/1999	CD22CT11	9.3	8.5	8.0	8.4	8.55	B1

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
104	510220331	Trần Phạm Thảo	Vy	13/09/2004	CD22DH1	9.3	8.0	7.6	7.6	8.13	B1
105	517230342	Trần Thị Phương	Yên	24/05/2005	CD23TT1	9.3	9.0	7.6	7.6	8.38	B1
106	510230437	Trần Quốc	Bảo	19/11/2003	CD23DH1	7.5	7.3	6.0	8.0	7.20	B1
107	606230001	Phạm Châu Tuấn	Cảnh	01/06/2001	CL23CT1	2.8	4.8	6.4	0.0	3.50	không đạt
108	501230209	Cáp Hữu	Chiến	30/03/2005	CD23CT6	6.8	5.3	5.2	6.8	6.03	B1
109	501230079	Đoàn Ngân Bảo	Chuyên	26/04/2002	CD23CT2	6.8	7.5	4.8	8.0	6.78	B1
110	514210247	Hứa Văn	Đạt	26/04/2002	CD21LM1	6.3	3.8	3.6	8.4	5.53	A2
111	501220506	Lê Thành	Đạt	10/12/2004	CD22CT9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
112	601230009	Trịnh Thái	Đức	28/05/2005	CL23CT1	8.5	7.0	6.0	6.4	6.98	B1
113	507230217	Bùi Việt	Đức	27/10/2002	CD23QT1	6.5	5.3	3.6	8.4	5.95	A2
114	501230245	Phạm Minh	Đức	03/08/2005	CD23CT6	3.0	2.5	2.8	6.4	3.68	không đạt
115	501230399	Nguyễn Khánh	Duy	09/07/2005	CD23CT3	9.0	8.0	9.2	8.8	8.75	B1
116	501230027	Nguyễn Bảo	Duy	22/05/1998	CD23CT11	8.5	6.3	8.4	6.8	7.50	B1
117	513220686	Dương Quốc	Hải	26/08/2004	CD22TD1	2.8	0.5	0.5	6.0	2.45	không đạt
118	601230010	Triệu Xuân	Hiền	25/11/2002	CL23CT1	7.0	9.0	9.2	6.4	7.90	B1
119	602230007	Nguyễn Thị Kim	Hiền	18/04/2004	CL23TM1	7.5	5.0	2.0	6.8	5.33	không đạt
120	501230555	Cao Phi	Hùng	08/04/2004	CD23CT7	9.8	8.0	8.8	9.2	8.95	B1
121	510230289	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/02/2005	CD23DH3	5.8	1.5	5.6	7.2	5.03	không đạt
122	501230331	Huỳnh Trần Tiến	Khải	27/11/2005	CD23CT5	6.8	3.0	2.8	6.4	4.75	không đạt
123	510220020	Lâm Tường	Khải	26/06/2001	CD22DH1	6.8	5.5	3.6	7.6	5.88	A2
124	501220040	Lê Bảo	Khanh	08/08/2003	CD22DH1	3.5	1.8	1.6	7.6	3.63	không đạt
125	514230561	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	01/07/2005	CD23LM1	5.5	4.0	3.2	8.4	5.28	không đạt
126	501230396	Nguyễn Trung	Kiên	01/08/2005	CD23CT2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
127	501230610	Đào Anh	Kiệt	14/09/2005	CD23CT12	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
128	501230176	Hoàng Thị Ngọc	Linh	27/12/2005	CD23CT2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
129	501230045	Nguyễn Phước	Lộc	20/02/2001	CD23CT1	8.0	6.0	6.4	8.8	7.30	B1
130	601230020	Đặng Gia	Long	04/09/2005	CL23CT1	7.0	5.0	4.4	9.2	6.40	B1
131	501230066	Nguyễn Hoàng	Luân	03/03/2001	CD23CT2	8.0	4.3	6.8	9.2	7.08	B1
132	501220654	Nguyễn Văn Minh	Luật	23/09/2001	CD22CT7	3.8	1.8	2.0	7.2	3.70	không đạt
133	510220372	Nguyễn Thanh	Mẫn	17/01/2004	CD22DH3	5.5	3.8	5.2	6.4	5.23	A2
134	501230346	Nguyễn Quang	Minh	13/12/2005	CD23CT4	1.8	0.8	3.2	6.4	3.05	không đạt
135	501230615	Nguyễn Võ Gia	Minh	21/10/2002	CD23CT12	9.8	9.0	7.6	9.6	9.00	B1
136	601230004	Nguyễn Anh	Nam	02/11/2005	CL23CT1	3.0	1.3	3.6	5.2	3.28	không đạt
137	501220507	Lê Thanh	Nam	02/02/2004	CD22CT9	3.0	2.3	1.2	5.0	2.88	không đạt
138	508230470	Trần Thị Thu	Nga	13/05/2005	CD23KT1	3.8	1.3	4.8	5.0	3.73	không đạt
139	606230002	Trần Minh	Nghĩa	22/03/2001	CL23CT1	2.0	0.5	3.6	0.0	1.53	không đạt
140	501230195	Trương Trí	Nguyên	12/12/2005	CD23CT3	2.5	1.5	1.2	5.6	2.70	không đạt
141	501230306	Dương Khôi	Nguyên	14/04/2005	CD23CT6	2.8	1.5	1.2	6.4	2.98	không đạt
142	501230238	Bùi Thảo	Nhi	16/09/2005	CD23CT5	6.8	7.0	5.2	8.0	6.75	B1
143	518230407	Nguyễn Thị Tú	Nữ	31/07/2005	CD23TW1	4.8	5.0	1.6	6.8	4.55	không đạt
144	501210557	Lê Long	Phi	04/04/2001	CD21CT7	5.5	3.8	2.4	5.0	4.18	không đạt
145	801220016	Nguyễn Tài	Quân	20/02/2007	TC22TH1	3.0	0.5	0.8	6.0	2.58	không đạt
146	501220308	Lê Anh	Quang	08/03/2004	CD22CT2	1.8	1.3	1.2	5.0	2.33	không đạt
147	507230556	Kiều Thu	Quỳnh	23/12/2005	CD23QT1	8.3	6.5	3.6	7.2	6.40	B1
148	513230485	Phạm Văn	Sang	06/09/1999	CD23TD1	5.8	6.5	4.0	8.0	6.08	B1
149	501230103	Võ Minh	Sáng	23/04/1999	CD23CT4	5.5	5.5	2.8	8.0	5.45	không đạt
150	501230181	Lê Tuấn	Tài	18/11/1997	CD23CT2	6.0	5.0	3.2	7.2	5.35	không đạt
151	801230011	Lê Hoàng	Thiện	07/10/2007	TC23TH1	6.0	3.8	2.4	6.4	4.65	không đạt
152	517240147	Nguyễn Lý Song	Thư	05/08/2005	CD24TT3	7.8	8.5	7.6	10.0	8.48	B1
153	501220712	Trần Hoàng	Tiến	30/08/2004	CD22CT10	5.5	3.8	3.6	7.6	5.13	A2
154	512220635	Trần Ngọc Bảo	Tin	12/12/2004	CD22MK1	7.3	4.3	4.8	8.8	6.30	B1
155	510230419	Nguyễn Thanh	Trí	05/12/2005	CD23DH3	5.0	4.3	5.2	9.2	5.93	A2
156	510220681	Trần Minh	Trí	02/11/2004	CD22DH4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
157	501230152	Võ Thị Diễm	Trình	12/07/2005	CD23CT5	7.3	2.8	6.4	7.2	5.93	không đạt
158	501230107	Đỗ Phước	Trung	06/08/2001	CD23CT11	8.5	8.0	5.2	8.0	7.43	B1
159	518230099	Nguyễn Vũ Hữu	Trung	27/02/2003	CD23DH1	3.3	2.5	2.0	5.0	3.20	không đạt

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm				Điểm TB	Cấp độ
						Đọc	Viết	Nghe	Nói		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
160	501230402	Trần Nguyên	Trường	16/10/2005	CD23CT11	9.5	8.0	7.2	8.0	8.18	B1
161	507210063	Nguyễn Hoài	Tú	27/02/2001	CD21QT1	8.8	5.0	3.6	10.0	6.85	B1
162	513220193	Hồ Công	Tuân	06/12/2004	CD22TD1	3.5	0.8	2.8	4.4	2.88	không đạt
163	501230319	Nguyễn Hùng	Vĩ	23/12/2005	CD23CT6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.00	không đạt
164	501220268	Nguyễn Anh	Vũ	17/12/2004	CD22CT4	8.3	8.0	9.2	7.2	8.18	B1
165	508230048	Lê Thị Dĩnh	Vy	12/08/1998	CD23KT1	8.3	5.0	8.8	6.8	7.23	B1
166	507220292	Trần Ngọc Phương	Yến	06/08/2003	CD22QT1	4.8	1.3	4.4	0.0	2.63	không đạt

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Trung cấp điểm TB ≥ 4.0

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ Cao đẳng điểm TB ≥ 5.1

Công nhận đạt đối với sinh viên hệ chất lượng cao điểm TB ≥ 6.1

ệt : có 1 trong 4 kỹ năng ≥ 3.5

Tổng số sinh viên dự thi:

156

Tổng số đạt :

114

Tổng số không đạt:

42

Tổng số bỏ thi:

10.0

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Trưởng Khoa

ThS. Lư Quốc Tuấn